

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 946/QĐ-ĐHTTTr ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình: Giáo dục mầm non (Preschool Education)

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non

Mã số: 51140201

Loại hình đào tạo: Chính quy

Phần I
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 946/QĐ-ĐHTT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình: Giáo dục mầm non

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non

Mã số: 51140201

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo (kí hiệu MT)

- Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên mầm non có đủ phẩm chất chính trị, năng lực và sức khỏe để thực hiện tốt các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; có ý thức phục vụ cộng đồng, thích ứng với những biến đổi của xã hội và của ngành giáo dục mầm non trước yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể

MT1: Có kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

MT2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ vào việc tổ chức, giám sát, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.

MT3: Thực hiện thành thạo việc lập kế hoạch tổ chức, quản lý các hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non; có năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình giáo dục mầm non.

MT4: Tổ chức quản lý nhóm lớp theo quy định; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sư phạm; phối hợp với gia đình, nhà trường, xã hội tuyên truyền, thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục; giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh một cách cởi mở, chân thành trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.

MT5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự chịu trách nhiệm để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; yêu nghề, yêu trẻ, biết động viên, khích lệ trẻ trong quá trình giáo dục; tôn trọng trẻ, đồng nghiệp và cha mẹ trẻ.

2. Chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Sau khi tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non, người học phải đạt được các yêu cầu sau:

Mã CĐR	Nội dung CĐR
Về kiến thức	
CĐR 1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất trong hoạt động nghề nghiệp và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước
CĐR 2	Vận dụng được mối liên hệ những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ thông tin, ngoại ngữ với các môn thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non.
CĐR 3	Xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ, các hoạt động chủ đạo phù hợp với lứa tuổi trong quá trình lập kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.
CĐR 4	Áp dụng có hiệu quả kiến thức khoa học GDMN vào việc tổ chức, quản lý các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở các đối tượng, các loại hình trường, lớp mầm non khác nhau.
Về kỹ năng	
<i>Kỹ năng cứng</i>	
CĐR 5	Thiết kế các hoạt động chăm sóc giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu, phương pháp giáo dục - dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ.
CĐR 6	Xây dựng các công cụ thu thập và phân tích dữ liệu đánh giá sự phát triển của trẻ, đánh giá kết quả lao động sự phạm của bản thân và đồng nghiệp để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ.
CĐR 7	Thực hiện nghiên cứu sự phạm ứng dụng trong giáo dục mầm non và phát triển chương trình giáo dục mầm non.
<i>Kỹ năng mềm</i>	
CĐR 8	Tổ chức quản lý nhóm lớp theo quy định; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sự phạm; phối hợp với gia đình, nhà trường, xã hội tuyên truyền, thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục; giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh một cách cởi mở, chân thành trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.

Mã CDR	Nội dung CDR
CDR 9	Vận dụng linh hoạt các chương trình giáo dục của nước ngoài phù hợp với điều kiện thực tiễn.
CDR 10	Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn thông thường; đạt tối thiểu trình độ công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương).
Về mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CDR 11	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân; có ý chí khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
CDR 12	Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, yêu nghề, say mê, tận tụy với công việc; yêu trẻ, tôn trọng trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao với trẻ.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non.
- Làm việc trong các cơ quan, tổ chức có liên quan với đối tượng hoạt động là trẻ mầm non.
- Tư vấn viên, nghiên cứu viên về chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục mầm non.

4. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục mầm non.
- Tham gia học các chương trình đào tạo nâng cao về chuyên ngành giáo dục mầm non và chuyên ngành gần.

5. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng						TĐ, NLTC, TN	
						Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 0	C Đ R 1	C Đ R 2
A. Kiến thức giáo dục đại cương													
I. Lý luận chính trị													
LL3.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	2											

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng						TD, NLTC, TN	
						Cứng			Mềm				
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR0	CĐR1	CĐR1
LL3.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2											
LL3.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2											
LL3.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2											
LL3.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2											
II. Ngoại ngữ													
NN3.1.001.3	Tiếng Anh 1									2	1		
NN3.1.002.3	Tiếng Anh 2		2							2	1		
NN3.1.003.3	Tiếng Anh 3		2							2	1		
III. Tin học													
TN3.1.501.2	Tin học đại cương		2							2			
IV. Khoa học tự nhiên và xã hội													
TN3.1.122.2	Toán cơ sở		2										
TL3.1.001.2	Tâm lí học đại cương		2										
TL3.1.003.2	Giáo dục học đại cương		2										
V. Giáo dục thể chất (GDTC)													
Bắt buộc													
TC3.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2											
Tự chọn (Chọn 01 trong 8 HP)													
TC3.1.002.2	GDTC 2 – Bóng đá	2											

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng						TĐ, NLTC, TN	
						Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 0	C Đ R 1	C Đ R 2
TC3.1.003.2	GDTC 2 – Bóng bàn	2											
TC3.1.004.2	GDTC 2 – Bóng chuyền	2											
TC3.1.005.2	GDTC 2 – Cầu lông	2											
TC3.1.006.2	GDTC 2 – Võ thuật	2											
TC3.1.007.2	GDTC 2 – Điền kinh	2											
TC3.1.022.2	GDTC 2 – Bóng rổ	2											
TC3.1.023.2	GDTC 2 – Bơi lội	2											
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh													
TC3.1.018.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	1											
TC3.1.019.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	1											
TC3.1.020.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	1											
TC3.1.021.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4	1											
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
I. Kiến thức cơ sở ngành													
Bắt buộc													
LL3.1.005.2	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	2											1
VD3.1.025.3	Âm nhạc		2	2									

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng						TĐ, NLTC, TN	
						Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 0	C Đ R1 1	C Đ R1 2
NT3.1.017.2	Mĩ thuật			2								1	
XH3.1.001.2	Tiếng Việt thực hành			3					2			2	
TN3.1.403.2	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non			3									3
TL3.1.019.3	Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non		2										
MN3.1.030.3	Giáo dục học mầm non				2	3			2				
MN3.1.031.2	Nghề giáo viên mầm non				3		2		1				
ĐD3.1.054.3	Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng trẻ em			3					2			1	
Tự chọn (<i>chọn 1 trong 2 học phần</i>)													
XH3.1.048.3	Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm		3						2			1	
TN3.2.401.3	Môi trường và con người				3	1							2
II. Kiến thức ngành													
Bắt buộc													
MN3.1.033.3	Chương trình và phát triển tổ chức thực hiện chương trình GDMN					3				2		1	

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng						TĐ, NLTC, TN	
						Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 1	C Đ R 2
MN3.1.034.3	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ mầm non								3	1		2	
MN3.1.035.3	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non			2		3						1	
MN3.1.036.3	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non			2					3			1	
MN3.1.037.2	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học			2					3			1	
MN3.1.038.3	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán			3		3						2	
MN3.1.039.3	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh			2		3						1	
MN3.1.040.2	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non			2		2			3				
MN3.1.041.2	Quản lý giáo dục mầm non				2	2			3				
MN3.1.025.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non						3					1	1
MN3.1.042.2	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non			3		2						3	
Tự chọn (chọn 01 trong 03 học phần)													

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng						TD, NLTC, TN	
						Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 0	C Đ R 1	C Đ R 2
MN3.1.043.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non			3				2				1	
MN3.1.023.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non			3		3						2	
MN3.1.026.2	Kĩ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non			2				3				1	
Kiến thức bổ trợ													
TL3.1.024.2	Tâm bệnh học		2										
VD3.1.026.2	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ		2	2									
MN3.1.016.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non			2				2				2	
MN3.1.044.2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm			2		3			2				
III. Thực tập													
MN3.1.043.4	Thực tập 1			2		3							
MN3.1.044.4	Thực tập 2			2		3							
IV. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													
MN3.1.045.3	Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non			2		3			2				
MN3.1.046.3	Giáo dục hoà nhập				3	2			2				
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 105 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)													

0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo

6. Thời gian đào tạo: 2,5 đến 3 năm (6 học kỳ)

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 105 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất 04 tín chỉ và Giáo dục Quốc phòng – An ninh: 9 tín chỉ), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 28 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành: 25 tín chỉ
- Kiến thức ngành: 38 tín chỉ
- Thực tập: 08 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 06 tín chỉ

8. Chuẩn đầu vào:

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.
- Phương thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- Vùng tuyển sinh: Cả nước.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 761/QĐ-ĐHTTr ngày 04//10/2023 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tân Trào.

10. Thang điểm

Điều 16, Thực hiện theo Quyết định số 761/QĐ-ĐHTTr ngày 04//10/2023 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tân Trào.

11. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			28					
I. Lý luận chính trị			11					
1	LL3.1.04 0.3	Triết học Mác - Lênin	3	43	2			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
2	LL3.1.04 1.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	25	5			LL3.1.040.3
3	LL3.1.04 2.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1			LL3.1.041.2
4	LL3.1.04 3.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10			LL3.1.042.2
5	LL3.1.04 4.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20	10			LL3.1.043.2
II. Ngoại ngữ			09					
6	NN3.1.0 01.3	Tiếng Anh 1	3	21	24			
7	NN3.1.0 02.3	Tiếng Anh 2	3	21	24			NN3.1.001.3
8	NN3.1.0 03.3	Tiếng Anh 3	3	21	24			NN3.1.002.3
III. Tin học			2					
9	TN3.1.5 01.2	Tin học đại cương	2	15	15			
IV. Khoa học tự nhiên và xã hội			6					
10	TN3.1.1 22.2	Toán cơ sở	2	15	15			
11	TL3.1.00 1.2	Tâm lí học đại cương	2	15	15			
12	TL3.1.00 3.2	Giáo dục học đại cương	2	12	18			TL3.1.001.2
V. Giáo dục thể chất (GDTC)			4					
Bắt buộc								

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
13	TC3.1.00 1.2	GDTC 1	2	02	28			
Tự chọn (<i>Chọn 1 trong 8 HP</i>)								
14	TC3.1.00 2.2	GDTC 2 – Bóng đá	2*	02	28			
15	TC3.1.00 3.2	GDTC 2 – Bóng bàn	2*	02	28			
16	TC3.1.00 4.2	GDTC 2 – Bóng chuyền	2*	02	28			
17	TC3.1.00 5.2	GDTC 2 – Cầu lông	2*	02	28			
18	TC3.1.00 6.2	GDTC 2 – Võ thuật	2*	01	29			
19	TC3.1.00 7.2	GDTC 2 – Điền kinh	2*	02	28			
20	TC3.1.02 2.2	GDTC 2 – Bóng rổ	2*	02	28			
21	TC3.1.02 3.2	GDTC 2 – Bơi lội	2*	02	28			
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9					
22	TC3.1.01 8.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	3	45				
23	TC3.1.01 9.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	2	30				
24	TC3.1.02 0.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	2	14	16			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
25	TC3.1.02 1.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4	2	04	56			
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			77					
I. Kiến thức cơ sở ngành			25					
Bắt buộc								
26	LL3.1.00 5.2	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD và ĐT	2	15	15			LL3.1.040.3
27	VD3.1.0 25.3	Âm nhạc	3	13	32			
28	NT3.1.0 17.2	Mĩ thuật	2	11	19			
29	XH3.1.0 01.2	Tiếng Việt thực hành	2	12	18			
30	TN3.1.4 03.2	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	25	5			
31	TL3.1.01 9.3	Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non	3	21	24			
32	MN3.1.0 30.3	Giáo dục học mầm non	3	30	15			TL3.1.003.2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
33	MN3.1.0 31.2	Nghề giáo viên mầm non	2	16	14			
34	ĐD3.1.0 54.3	Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng trẻ em	3	29	16			
Tự chọn (<i>chọn 1 trong 2 học phần</i>)								
35	XH3.1.0 48.3	Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm	3*	32	13			
36	TN3.2.4 01.3	Môi trường và con người	3*	21	7	34		
II. Kiến thức ngành			38					
Bắt buộc			28					
37	MN3.1.0 33.3	Chương trình và phát triển tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non	3	21	24			MN3.1.030.3
38	MN3.1.0 34.3	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ mầm non	3	11	31			NT3.1.017.2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
39	MN3.1.0 35.3	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	18	27			VD3.1.025.3
40	MN3.1.0 36.3	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	26	19			XH3.1.001.2
41	MN3.1.0 37.2	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	2	20	10			XH3.1.001.2
42	MN3.1.0 38.3	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán	3	22	23			TN3.1.122.2
43	MN3.1.0 39.3	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	19	26			MN3.1.030.3
44	MN3.1.0 40.2	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	2	13	15			MN3.1.030.3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
45	MN3.1.0 41.2	Quản lý giáo dục mầm non	2	20	10			MN3.1.030.3
46	MN3.1.0 25.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	16	14			MN3.1.030.3 MN3.1.033.3
47	MN3.1.0 42.2	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	15	15			MN3.1.030.3
Tự chọn (<i>chọn 01 trong 03 học phần</i>)			2					
48	MN3.1.0 43.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	2*	15	15			
49	MN3.1.0 23.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2*	16	14			
50	MN3.1.0 26.2	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	2*	16	14			MN3.1.030.3 MN3.1.042.2
Kiến thức bổ trợ			8					
51	TL3.1.02 4.2	Tâm bệnh học	2	14	16			
52	VD3.1.0 26.2	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ	2	02	28			VD3.1.025.3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
53	MN3.1.016.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	15	15			MN3.1.030.3
54	MN3.1.044.2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	4	11		45	MN3.1.030.3
III. Thực tập			8					
55	MN3.1.043.4	Thực tập 1	4				200	
56	MN3.1.044.4	Thực tập 2	4				200	MN3.1.043.4
IV. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6					
57	MN3.1.045.3	Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non	3	24	21			MN3.1.030.3 MN3.1.042.2
58	MN3.1.046.3	Giáo dục hoà nhập	3	24	16		5	MN3.1.030.3
59	Khóa luận tốt nghiệp		06					
	Tổng số tín chỉ toàn khóa: 105 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)							

(Ghi chú: Dấu * là kí hiệu cho các học phần tự chọn)

12. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ					
					1	2	3	4	5	6
1	TC3.1.001.2	GDTC 1 – Bơi lội		2	2					
2	LL3.1.040.3	Triết học Mác – Lênin		3	3					
3	NN3.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3					
4	TN3.1.122.2	Toán cơ sở		2	2					
5	TN3.1.501.2	Tin học đại cương		2	2					
6	TL3.1.001.2	Tâm lí học đại cương		2	2					
7	TL3.1.003.2	Giáo dục học đại cương	TL3.1.001.2	2	2					
8	VD3.1.025.3	Âm nhạc		3	3					
9	TN3.1.403.2	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non		2	2					
<i>Tự chọn (chọn 1 trong 8 học phần)</i>										
10	TC3.1.002.2	GDTC 2 – Bóng đá		2*		2*				
11	TC3.1.003.2	GDTC 2 – Bóng bàn		2*		2*				
12	TC3.1.004.2	GDTC 2 – Bóng chuyền		2*		2*				
13	TC3.1.005.2	GDTC 2 – Cầu lông		2*		2*				
14	TC3.1.006.2	GDTC 2 – Võ thuật		2*		2*				
15	TC3.1.007.2	GDTC 2 – Điền kinh		2*		2*				
16	TC3.1.022.2	GDTC 2 – Bóng rổ		2*		2*				

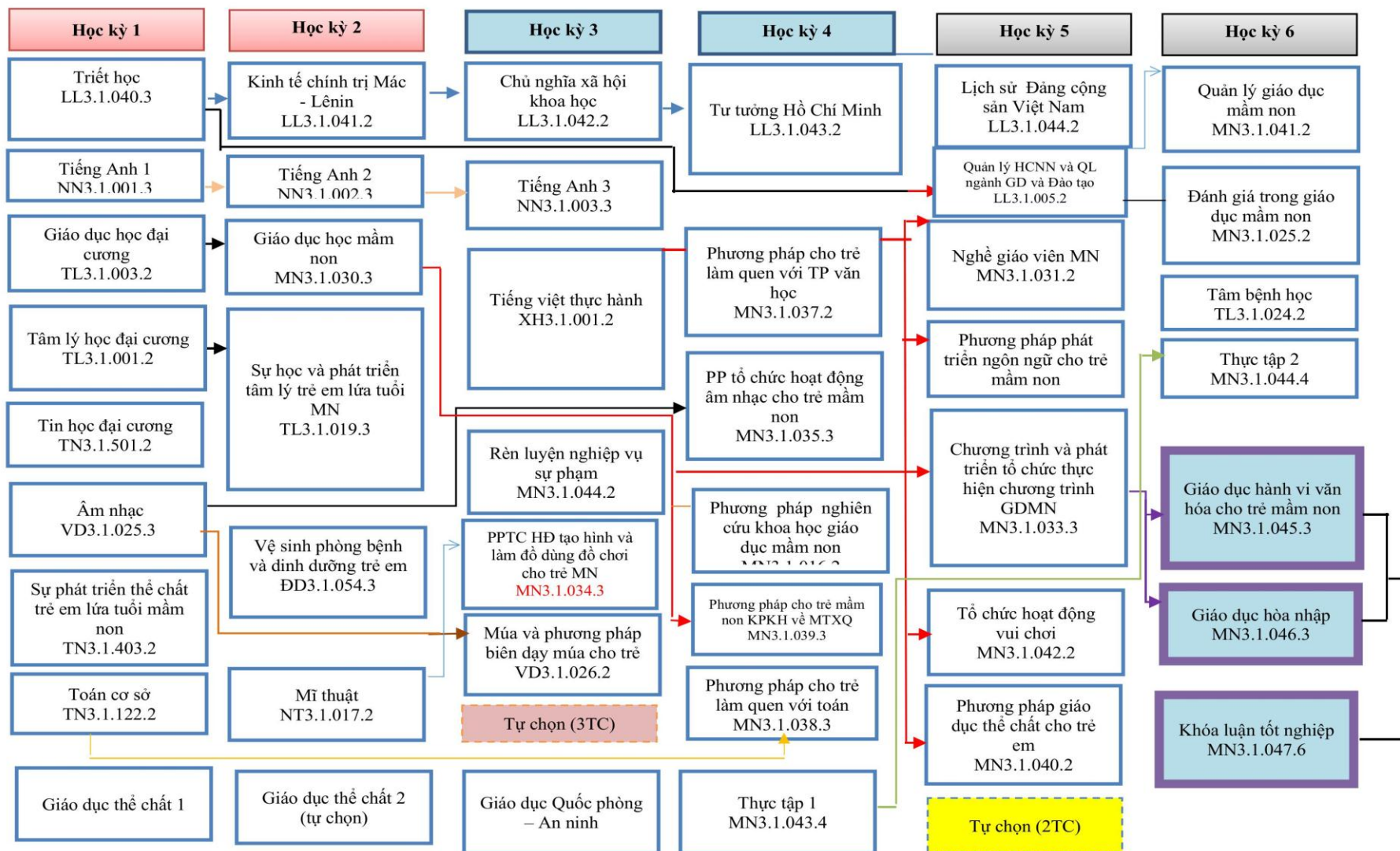
17	TC3.1.023.2	GDTC 2 – Bơi lội		2*		2*				
18	LL3.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	LL3.1.040.3	2		2				
19	NN3.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN3.1.001.3	3		3				
20	NT3.1.017.2	Mỹ thuật		2		2				
21	TL3.1.019.3	Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non		3		3				
22	MN3.1.030.3	Giáo dục học mầm non	TL3.1.003.2	3		3				
23	XH3.1.001.2	Tiếng Việt thực hành		2		2				
24	VD3.1.026.2	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ	VD3.1.025.3	2		2				
25	LL3.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL3.1.041.2	2			2			
26	NN3.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN3.1.002.3	3			3			
27	MN3.1.034.3	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ mầm non	NT3.1.017.2	3			3			
28	MN3.1.033.3	Chương trình và phát triển tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	MN3.1.030.3	3			3			

29	MN3.1.044.2	Rèn luyện nghề nghiệp vụ sư phạm	MN3.1.030.3				2			
<i>Tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</i>										
30	XH3.1.048.3	Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm		3*			3*			
31	TN3.2.401.3	Môi trường và con người		3*			3*			
32	TC3.1.018.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1		3						
33	TC3.1.019.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2		2						
34	TC3.1.020.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3		2						
35	TC3.1.021.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4		2						
36	LL3.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL3.1.042.2	2				2		
37	MN3.1.035.3	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	VD3.1.025.3	3				3		
38	MN3.1.037.2	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	XH3.1.001.2	2				2		

39	MN3.1.038.3	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán	TN3.1.122.2	3				3		
40	MN3.1.039.3	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	MN3.1.030.3	3				3		
41	MN3.1.016.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	MN3.1.030.3	2				2		
42	MN3.1.043.4	Thực tập 1		4				4		
43	LL3.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LL3.1.043.2	2					2	
44	LL3.1.005.2	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	LL3.1.040.3	2					2	
45	MN3.1.031.2	Nghề giáo viên mầm non	MN3.1.030.3	2					2	
46	ĐD3.1.054.3	Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng trẻ em		3					3	
47	MN3.1.036.3	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	XH3.1.001.2	3					3	
48	MN3.1.042.2	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm	MN3.1.030.3	2					2	

		non								
49	MN3.1.040.2	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	MN3.1.030.3	2					2	
<i>Tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)</i>										
50	MN3.1.043.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non		2*					2*	
51	MN3.1.023.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non		2*					2*	
52	MN3.1.026.2	Kĩ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	MN3.1.030.3; MN3.1.042.2	2*					2*	
53	MN3.1.041.2	Quản lý giáo dục mầm non	MN3.1.030.3	2						2
54	MN3.1.025.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non	MN3.1.030.3; MN3.1.033.3	2						2
55	MN3.1.044.4	Thực tập 2	MN3.1.043.4	4						4
56	TL3.1.024.2	Tâm bệnh học		2						2
57	MN3.1.045.3	Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non	MN3.1.030.3; MN3.1.042.2	3						3
58	MN3.1.046.3	Giáo dục hoà nhập	MN3.1.030.3	3						3
59		Khóa luận tốt nghiệp		6						6
Cộng: 105 tín chỉ (<i>không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh</i>)					19	17	16	19	18	16

13. Bản đồ chương trình dạy học



14. Mô tả nội dung các học phần

14.1. Triết học Mác - Lênin: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

14.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lê nin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

14.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.

14.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.

14.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.

14.6. Tiếng Anh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thi hiện tại đơn, sở hữu, đại từ chỉ định; sở thích cá nhân, hoạt động thời gian rảnh rỗi; mô tả về bản thân, gia đình, công việc, khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

14.7. Tiếng Anh 2: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; cách đưa ra ý kiến cá nhân, cách thể hiện mong muốn, sở thích, cách xác định vị trí, cách mô tả cảm xúc, và mô tả tranh, và mô tả một chuyến đi với các chủ đề thức ăn, thời trang, diện mạo bề ngoài bằng Tiếng Anh.

14.8. Tiếng Anh 3: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần này gồm các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể; Trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc của đời sống hàng ngày như du lịch, phim và nghệ thuật,... Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, ... ; Cung cấp cho người học luyện các kỹ năng tiếng Anh và thực hành làm các bài thi dạng A2.

14.9. Tin học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

14.10. Toán cơ sở: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về : Tập hợp, quan hệ, ánh xạ, số tự nhiên.

14.11. Tâm lí học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các kiến thức: Tâm lí học là một khoa học; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lí; Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

14.12. Giáo dục học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học đại cương

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách con người, cung cấp cho người học những hiểu biết về: mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục, và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

14.13. Giáo dục thể chất 1 – Bơi lội: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kĩ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.14. Giáo dục thể chất 2- Bóng đá: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kĩ năng cơ bản về bóng đá; một số điểm luật, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.15. Giáo dục thể chất 2- Bóng bàn: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kĩ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.16. Giáo dục thể chất 2- Bóng chuyền: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kĩ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.17. Giáo dục thể chất 2- Cầu lông: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.18. Giáo dục thể chất 2- Võ thuật: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng chống chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.19. Giáo dục thể chất 2- Điền kinh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.20. Giáo dục thể chất 2- Bóng rổ: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.21. Giáo dục thể chất 2- Bơi lội: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

14.22. Giáo dục quốc phòng – An ninh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và công tác quốc phòng an ninh trong tình hình mới; hình thành phẩm chất đạo đức, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết.

14.23. Giáo dục quốc phòng - An ninh 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, những quy định của pháp luật về một số vấn đề xã hội.

14.24. Giáo dục quốc phòng - An ninh 3: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các quy định nền nếp, nội vụ, điều lệnh; lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam; Nội dung, bản chất của một số kỹ năng cơ bản trong chiến đấu. Hình thành kỹ năng quân sự chung, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ đối với Tổ quốc.

14.25. Giáo dục quốc phòng - An ninh 4: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh 1,2,3

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số loại vũ khí bộ binh thông thường; Nguyên lý kỹ thuật chiến đấu cá nhân; Các quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

14.26. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

Học phần Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT gồm 30 tiết (2 tín chỉ) có các nội dung: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức, viên chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật Giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Thực tiễn giáo dục địa phương.

14.27. Âm nhạc: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức về Lý thuyết âm nhạc cơ bản, phương pháp xướng âm và học hát các bài hát lứa tuổi mầm non theo các chủ đề ở trường Mầm non.

14.28. Mỹ thuật: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về những kiến thức chung của nghệ thuật tạo hình; kiến thức về hình họa, trang trí; phóng tranh, vẽ tranh theo đề tài, tranh minh họa; tranh xé - cắt - dán và kỹ thuật xé - cắt - dán; nặn.

14.29. Tiếng việt thực hành : 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học bao gồm các kiến thức về rèn luyện kỹ năng đọc và đọc hiểu văn bản, rèn luyện kỹ năng nghe - nói, rèn luyện kỹ năng viết chữ ; kỹ năng dùng từ, đặt câu chuẩn tiếng Việt.

14.30. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, chức năng và quá trình sinh lí của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; các biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em một cách khoa học, phù hợp với lứa tuổi.

14.31. Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học trẻ em, những quy luật cơ bản của sự phát triển tâm lý trẻ em; các dạng hoạt động của trẻ mầm non (từ 0 đến 6 tuổi) và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em qua các giai đoạn sơ sinh, hài nhi, ấu nhi, mẫu giáo, mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn (từ 0 đến 6 tuổi).

14.32. Giáo dục học mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận chung của giáo dục mầm non; về sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ; về tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề và tổ chức chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

14.33. Nghề giáo viên mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm những kiến thức chung về nghề giáo viên mầm non; Các hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; cách giao tiếp, ứng xử sư phạm và nhân cách cần thiết của người giáo viên mầm non; các hoạt động học tập và rèn luyện hình thành nhân cách người giáo viên.

14.34. Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng trẻ em: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về: Vệ sinh trẻ em: vệ sinh trường mầm non, vệ sinh chăm sóc trẻ; Kiến thức về phòng bệnh trẻ em: các bệnh thường gặp ở trẻ em, bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm, cách phòng và sơ cứu ban đầu một số

bệnh thường gặp,...Đồng thời cung cấp các kiến thức về dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo: cách xây dựng khẩu phần, thực đơn, giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.

14.35. Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức về văn học viết cho trẻ em ở Việt Nam; thơ do trẻ em viết ở Việt Nam; văn học thiếu nhi nước ngoài; vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; nghệ thuật và kỹ thuật đọc, kể tác phẩm văn học cho trẻ lứa tuổi mầm non.

14.36. Môi trường và con người: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về môi trường; sự gia tăng dân số và các vấn đề ô nhiễm môi trường; những giải pháp thích hợp để đạt tới sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên trong phát triển bền vững.

14.37. Chương trình và phát triển tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần gồm các kiến thức về chương trình giáo dục nhà trẻ và chương trình giáo dục mẫu giáo, Phát triển chương trình GDMN, lập kế hoạch tổ chức thực hiện CT GDMN, tổ chức các hoạt động GD tích hợp theo chủ đề, xây dựng MTGD trong trường MN, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN.

14.38. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về: ý nghĩa, nhiệm vụ và đặc điểm của hoạt động tạo hình, ý nghĩa, tác dụng của đồ dùng đồ chơi; áp dụng đồ dùng đồ chơi vào hoạt động dạy học, hoạt động vui chơi của trẻ mầm non; Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại; Kế hoạch tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non.

14.39. Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về vai trò, khả năng âm nhạc của trẻ mầm non, các phương pháp, hình thức và cách thiết kế, tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

14.40. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt thực hành

Học phần gồm có kiến thức về những vấn đề lý luận chung; nhiệm vụ, hình thức, phương pháp cơ bản phát triển ngôn ngữ; giáo dục chuẩn mực ngữ âm Tiếng Việt; hình thành phát triển vốn từ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu Tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc, cho trẻ làm quen với tác phẩm văn chương; chuẩn bị cho trẻ học Tiếng Việt ở trường tiểu học.

14.41. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt thực hành

Học phần gồm có kiến thức về những vấn đề lý luận chung; các phương pháp cơ bản cho trẻ làm quen thơ truyện; tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với thơ truyện; sử dụng thơ truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non và lập kế hoạch, tập giảng.

14.42. Phương pháp cho trẻ làm quen với toán: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Toán cơ sở

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học về: Tập hợp, số lượng, phép đếm; biểu tượng kích thước, biểu tượng hình dạng, biểu tượng về định hướng trong không gian và thời gian cho trẻ mẫu giáo.

14.43. Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về: Một số khái niệm (môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội); ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh; đặc điểm nhận thức của trẻ về môi trường xung quanh; mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện, phương tiện và cách tổ chức cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh.

14.44. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản về giáo dục thể chất; Đặc điểm phát triển thể chất và nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Nội dung, phương pháp và phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Các hình thức giáo dục thể chất cho trẻ; Công tác tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.

14.45. Quản lý giáo dục mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần gồm những kiến thức về quản lý giáo dục; quản lý trường mầm non; giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm lớp trong trường mầm non; Từ những kiến thức đó, người học vận dụng vào thực tiễn những công việc trong quản lý giáo dục mầm non hiện nay.

14.46. Đánh giá trong giáo dục mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non; Chương trình và phát triển tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non

Học phần gồm các kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non: Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá; Sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá nhằm đánh giá các vấn đề cơ bản trong giáo dục mầm non như: Cơ sở giáo dục mầm non, chương trình giáo dục mầm non, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non và sự phát triển của trẻ mầm non.

14.47. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về hoạt động vui chơi và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non: trò chơi đóng vai có chủ đề, trò chơi đóng kịch, trò chơi lắp ghép-xây dựng, trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi dân gian, trò chơi điện tử.

14.48. Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trình bày những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm của trẻ mầm non, tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ về quy trình, yêu cầu, phương pháp và tổ chức môi trường cho trẻ trải nghiệm. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có thể vận dụng tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

14.49. Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về giáo dục môi trường; cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; các quá trình giáo dục môi trường ở trường mầm non

14.50. Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non, tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non

Học phần cung cấp những kiến thức chung, những đặc trưng cơ bản về kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non; Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non để xử lý các tình huống thường gặp với trẻ, với đồng nghiệp và với cha mẹ trẻ.

14.51. Tâm bệnh học: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

- a) Khái niệm về tâm bệnh học, quá trình khôn lớn của trẻ dưới 6 tuổi, những nhu cầu cơ bản của trẻ, các mối quan hệ của trẻ và sự thích nghi các mối quan hệ
- b) Những rối nhiễu tâm lý ở trẻ
- c) Các loại tâm pháp cơ bản trong chăm chữa đối với trẻ (khái niệm về tâm lý trị liệu, những hình thức chăm chữa, những biện pháp phòng ngừa tâm bệnh lý, những yêu cầu đối với giáo viên)

14.52. Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Học phần bao gồm kiến thức khái quát về nghệ thuật múa, giới thiệu một số động tác múa dân gian cơ bản của một số dân tộc Việt Nam như: Kinh, Thái, Tày, H'mông, Tây Nguyên và một số động tác múa Bale cơ bản. Người học biết biên đạo những tiết mục múa cho trẻ Mầm non.

14.53. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần gồm các kiến thức sau : Những vấn đề chung trong nghiên cứu trẻ em ; Các phương pháp nghiên cứu trẻ em ; Các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học

14.54. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần củng cố cho sinh viên những hiểu biết chung về công việc của giáo viên mầm non, về trường lớp mầm non; hướng dẫn sinh viên thực hành lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực phát triển và chủ đề giáo dục.

14.55. Thực tập 1: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các hoạt động: tìm hiểu tình hình thực tế giáo dục hiện nay; thực tập hoạt động chăm sóc và giảng dạy các môn học; làm công tác chủ nhiệm lớp. Viết báo cáo thu hoạch của sinh viên thực tập.

14.56. Thực tập 2: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 1

Học phần gồm các hoạt động: tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường mầm non hiện nay; thực tập hoạt động chăm sóc và giảng dạy các môn học; làm công tác chủ nhiệm lớp. Viết báo cáo thu hoạch của sinh viên thực tập.

14.57. Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non, tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non. Học phần cung cấp những kiến thức chung về hành vi văn hóa; quá trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; tổ chức hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ ở trường mầm non.

14.58. Giáo dục hòa nhập: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần gồm những kiến thức về những vấn đề lý luận chung về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập: Khái niệm, đặc điểm từng nhóm trẻ khuyết tật, cách thức hỗ trợ các nhóm trẻ này khi tổ chức môi trường và hoạt động trong lớp hòa nhập ở trường mầm non

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình

15.1. Quy định chung

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt; nếu có những nội dung cần thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các khoa, trung tâm, bộ môn xây dựng đủ đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu để tạo điều kiện cho tất cả các học phần tổ chức giảng dạy theo hướng tích cực hóa các hoạt động, đặc biệt là hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu tài liệu; cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học; tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, tăng cường hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lý về chuyên môn của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 3 năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì, mỗi học kì là 15 tuần (không tính thời gian ôn tập và thi); trong điều kiện cụ thể có thể tổ chức học kỳ phụ.

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lý thuyết học tại lớp: không quá không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày, được chia thành các phần: lý thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập: thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

+ Mỗi giờ học là 50 phút.

15.2. Hướng dẫn lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phù hợp giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần trong các phương pháp dạy học thể hiện ở đề cương chi tiết học phần (thuyết trình, tổ chức thảo luận, thực hành thí nghiệm; hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu...), làm bài tập hoặc vận dụng các phương pháp khác theo đặc thù của học phần phát huy tính tích cực của người học, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

15.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

Theo Điều 13, 14, 15, 16, Quyết định số 761/QĐ-ĐHTT ngày 04/10/2023 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tân Trào.

15.4. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

Theo Điều 18, 19, 20, 21, Quyết định số 761/QĐ-ĐHTT ngày 04/10/2023 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tân Trào.

KHOA SƯ PHẠM

TRƯỞNG KHOA

TS. Vũ Thị Kiều Trang

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Minh Anh Tuấn